

Bản án số: 277/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 20 – 12 – 2022  
V/v tranh chấp ly hôn  
và nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Ngô Hồng Dương

Ông Châu Hải Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1996; nơi cư trú: Khóm T, phường X, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Hữu T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Đ và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị Đ và anh Trương Hữu T chung sống với vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Sóc Trăng. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, anh T đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống nhưng không xác định được địa chỉ. Mặc dù chị Đ đã yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không có kết quả, sau đó chị tiếp tục yêu cầu tuyên bố anh T mất tích. Từ nguyên nhân trên, chị Đ xác định không thể tiếp tục chung sống và mục đích hôn nhân không còn đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung, gồm: Trương Thảo V, sinh ngày 12/8/2014 và Trương Giao H, sinh ngày 26/9/2016, do anh T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Đ đồng ý giao các cháu cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không có.

\* *Đối với anh Trương Hữu T*: Mặc dù đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị Đ hợp lệ nhưng anh T không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Thị Hồng Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trương Hữu T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định.

[2] Chị Đ và anh T tự nguyện chung sống vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Sóc Trăng. Theo chị Đ, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm; anh T đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống không biết địa chỉ. Từ nguyên nhân trên, chị Đ xác định không thể chung sống và mục đích hôn nhân không còn đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét yêu cầu của chị Đ, thấy rằng: Hôn nhân của chị Đ và anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, chị Đ yêu cầu xin ly hôn; anh T bị Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2022/QĐST-DS ngày 22/7/2022. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Đ ly hôn với anh T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Theo chị Đ, Trương Thảo V và Trương Gia H do anh T trực tiếp nuôi dưỡng từ khi sống ly thân cho đến nay; đến thời điểm này mặc dù Thảo V đã trên 08 tuổi nhưng không xác định được hiện nay anh T sinh sống ở đâu nên Tòa án không thể ghi nguyện vọng đối với Thảo V. Việc chị Đ tự nguyện để cho anh T tiếp tục nuôi Thảo V và Gia H; trong khi không xác định được anh T và các cháu sinh sống ở đâu nên giữ nguyên cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị Đ xác định không có, anh T không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Đ.

- Về hôn nhân: Cho chị Đ được ly hôn với anh Trương Hữu T.

- Về con chung: Giữ nguyên Trương Thảo V, sinh ngày 12/8/2014 và Trương Gia H, sinh ngày 26/9/2016 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013004 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị Đ đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Long Tân, huyện Ngã Năm;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Càn**